

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ**

*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2015**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	8 - 33



8-33

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Văn Tiến	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015)
Ông Trình Văn Thới	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015)
Ông Đinh Văn Duẩn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015)
Ông Nguyễn Đại Thụ	Thành viên (bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015)
Ông Phạm Anh Đức	Thành viên
Ông Cù Văn Vinh	Thành viên (bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015)
Ông Phạm Văn Hùng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2015)

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Đinh Văn Duẩn	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015)
Ông Phạm Văn Hùng	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2015)
Ông Đỗ Duy Tháp	Phó Tổng Giám đốc
Bà Lê Thị Thiên Kim	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đại Thụ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Sơn Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Văn Tích	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ hoạt động, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Đình Văn Đuân**  
Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2015

0112  
CÔNG  
CH NHIỆ  
DELC  
VIỆT  
SÔNG ĐÀ

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 và thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính riêng”) của Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà (gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 12 tháng 8 năm 2015, từ trang 4 đến trang 33. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính riêng này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính riêng theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính riêng không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này.

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được công ty kiểm toán khác kiểm toán với báo cáo kiểm toán độc lập đề ngày 20 tháng 3 năm 2015 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



**Đặng Chí Dũng**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0030-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 12 tháng 8 năm 2015

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Nguyễn Anh Tuấn**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1472-2013-001-1





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

**MẪU SỐ B 01a-DN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	
			30/6/2015	(Trình bày lại)
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>98.124.918.334</b>	<b>89.746.912.641</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>7.794.648.884</b>	<b>5.674.596.894</b>
1. Tiền	111		7.794.648.884	5.674.596.894
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>58.274.211.248</b>	<b>54.831.715.140</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	64.919.992.804	58.443.103.303
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		521.701.611	358.995.111
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		7.034.044.240	7.034.044.240
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	8.562.979.468	9.004.812.133
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(22.764.506.875)	(20.009.239.647)
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>31.210.615.487</b>	<b>28.948.144.370</b>
1. Hàng tồn kho	141		31.210.615.487	28.948.144.370
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>845.442.715</b>	<b>292.456.237</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		845.442.715	292.456.237
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>45.665.978.611</b>	<b>60.493.992.911</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>15.452.820.166</b>	<b>29.236.876.649</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	7	14.309.228.972	28.093.285.455
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	1.143.591.194	1.143.591.194
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.090.125.961</b>	<b>1.828.688.905</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	2.090.125.961	1.828.688.905
- Nguyên giá	222		24.296.503.435	23.640.321.617
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.206.377.474)	(21.811.632.712)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		50.000.000	50.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(50.000.000)	(50.000.000)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>13</b>	<b>1.258.286.712</b>	<b>1.110.470.750</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		1.258.286.712	1.110.470.750
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6</b>	<b>26.701.984.811</b>	<b>28.251.194.107</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	14	1.837.000.000	4.254.400.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	15	24.000.000.000	24.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	16	4.374.000.000	3.900.000.003
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.509.015.189)	(3.903.205.896)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>162.760.961</b>	<b>66.762.500</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		162.760.961	66.762.500
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>143.790.896.945</b>	<b>150.240.905.552</b>

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

**MẪU SỐ B 01a-DN**  
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2015	31/12/2014
				(Trình bày lại)
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>94.366.531.907</b>	<b>98.761.501.085</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>85.392.244.241</b>	<b>85.297.307.579</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	7.393.736.859	4.335.185.227
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		16.418.282.452	7.373.416.007
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	7.940.766.489	9.741.580.322
4. Phải trả người lao động	314		21.860.422.556	31.044.541.737
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		1.041.515.452	196.552.032
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	20.350.066.790	23.420.837.810
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	9.219.101.218	8.644.451.675
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.168.352.425	540.742.769
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>8.974.287.666</b>	<b>13.464.193.506</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	17	4.702.043.293	9.352.632.708
2. Phải trả dài hạn khác	337	18	3.174.132.054	3.321.523.479
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	427.700.000	
4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		670.412.319	790.037.319
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>49.424.365.038</b>	<b>51.479.404.467</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>49.424.365.038</b>	<b>51.479.404.467</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		26.097.100.000	26.097.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a			
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		8.502.618.712	8.502.618.712
3. Cổ phiếu quỹ	415		(620.000)	(620.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.148.748.099	12.525.459.102
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.676.518.227	4.354.846.653
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	2.695.285.207
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		1.676.518.227	1.659.561.446
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)</b>	<b>440</b>		<b>143.790.896.945</b>	<b>150.240.905.552</b>



Lê Thị Lan Phương  
 Người lập biểu

Ngày 12 tháng 8 năm 2015



Lê Minh Quyết  
 Kế toán trưởng



  
 Đinh Văn Duẩn  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

**MẪU SỐ B 02a-DN**  
 Đơn vị: VND

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</b>	<b>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</b>
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		40.095.344.695	38.969.874.004
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	73.338.725
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>40.095.344.695</b>	<b>38.896.535.279</b>
4. Giá vốn hàng bán	11		28.083.659.802	27.879.363.318
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>12.011.684.893</b>	<b>11.017.171.961</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	26.691.208	234.011.687
7. Chi phí tài chính	22	24	512.803.066	1.660.371.039
- Trong đó: Chi phí lãi vay		23	419.716.947	685.011.452
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	9.180.453.622	7.611.115.639
<b>9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22-26))</b>	<b>30</b>		<b>2.345.119.413</b>	<b>1.979.696.970</b>
10. Thu nhập khác	31	25	342.950.376	795.283.629
11. Chi phí khác	32	26	468.342.390	558.756.321
<b>12. (Lỗ)/Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(125.392.014)</b>	<b>236.527.308</b>
<b>13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>2.219.727.399</b>	<b>2.216.224.278</b>
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	28	543.209.172	556.662.832
<b>15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)</b>	<b>60</b>		<b>1.676.518.227</b>	<b>1.659.561.446</b>

**Lê Thị Lan Phương**  
 Người lập biểu

**Lê Minh Quyết**  
 Kế toán trưởng



**Đình Văn Đuẩn**  
 Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015

**MẪU SỐ B 03a-DN**


Đơn vị: VND


Từ ngày 01/01/2014

đến ngày 30/6/2014

(Trình bày lại)

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014 (Trình bày lại)
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	2.219.727.399	2.216.224.278
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	394.744.762	398.949.206
Các khoản dự phòng (Lãi) từ hoạt động đầu tư	03	2.361.076.521	1.588.979.901
Chi phí lãi vay	05	(66.827)	-
Chi phí lãi vay	06	419.716.947	685.011.452
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	5.395.198.802	4.889.164.837
Giảm các khoản phải thu (Tăng) hàng tồn kho	09	7.874.662.075	18.128.025.080
(Giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	10	(2.262.471.117)	(1.177.648.069)
(Tăng) giảm chi phí trả trước	11	(7.473.376.128)	(21.492.948.772)
Tiền lãi vay đã trả	12	(648.984.939)	303.503.635
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(419.716.947)	(685.011.452)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	(1.584.784.421)	(960.967.013)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	22.095.367	374.646.080
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(700.922.465)	(532.204.052)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	201.700.227	(1.153.439.726)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(803.997.780)	(156.000.001)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	1.296.255.544
3. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	1.000.000.000	-
4. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	720.000.000	500.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	916.002.220	1.640.255.543
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	4.843.371.593	5.006.333.290
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.841.022.050)	(5.134.583.669)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(2.549.600.450)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.002.349.543	(2.677.850.829)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	2.120.051.990	(2.191.035.012)
Tiền đầu kỳ	60	5.674.596.894	4.799.173.002
Tiền cuối kỳ (70=50+60)	70	7.794.648.884	2.608.137.990

  
 Lê Thị Lan Phương  
 Người lập biểu

  
 Lê Minh Quyết  
 Kế toán trưởng

  
 Đinh Văn Duẩn  
 Tổng Giám đốc



Ngày 12 tháng 8 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 33 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Tư vấn Xây dựng Sông Đà theo Quyết định số 1680/QĐ-BXD ngày 28 tháng 10 năm 2004 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100105454 sửa đổi lần thứ 14 ngày 18 tháng 5 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 353 người (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 387 người).

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty:

- Lắp đặt hệ thống điện
- Kiểm tra, phân tích kỹ thuật
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
- Xây dựng công trình và kỹ thuật dân dụng khác
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
- Hoạt động thiết kế dân dụng
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước
- Sản xuất, phân phối hơi nước, nước nóng, điều hòa không khí và sản xuất nước đá
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong kỳ hoạt động**

Trong kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty có một số sự kiện quan trọng sau:

- Công ty đã thay đổi Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc (chi tiết xem tại Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc) cho nhiệm kỳ 2015 - 2019.
- Công ty thoái vốn thành công khỏi công ty con - Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam - Canada (VCE) trong tháng 3 năm 2015, chuyển nhượng 41% cổ phần trong số 51% cổ phần đang sở hữu theo giá trị sổ sách là 1.943.466.830 VND cho cổ đông hiện hữu của Công ty VCE.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)**

**Cấu trúc doanh nghiệp**

Danh sách các công ty con, công ty liên kết:

- Công ty con: Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà
- Công ty liên kết: Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

- Xí nghiệp khảo sát xây dựng
- Trung tâm thí nghiệm

**Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến 30 tháng 6 năm 2014 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 cho phù hợp với việc so sánh số liệu của kỳ này.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính riêng này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

**Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

***Ghi nhận ban đầu***

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay và các khoản đầu tư vào đơn vị khác.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả, và các khoản vay.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và các khoản tiền gửi không kỳ hạn tại ngân hàng.

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**

*Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

*Các khoản đầu tư vào công ty con, góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết*

*Đầu tư vào công ty con*

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

*Đầu tư vào công ty liên kết*

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp”, Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

250  
NG  
HIỆM I  
017  
F N.  
T

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

	<u>2015</u> Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5
Phương tiện vận tải	6 - 10

**Thuê tài sản**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

**Phần mềm máy tính**

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Thuế (Tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	342.218.868	527.984.797
Tiền gửi ngân hàng	7.452.430.016	5.146.612.097
	<u>7.794.648.884</u>	<u>5.674.596.894</u>

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	<u>30/6/2015</u>		<u>31/12/2014</u>	
	VND		VND	
	Giá trị sổ sách	Dự phòng	Giá trị sổ sách	Dự phòng
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>				
- <b>Đầu tư vào công ty con:</b>				
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà	1.837.000.000	(1.012.904.836)	4.254.400.000	(1.503.205.896)
Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam - Canada	-	-	2.417.400.000	(490.301.060)
- <b>Đầu tư vào công ty liên kết:</b>				
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa	24.000.000.000	-	24.000.000.000	-
- <b>Đầu tư vào đơn vị khác:</b>				
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riềng - Kratie	2.400.000.000	(2.400.000.000)	2.400.000.000	(2.400.000.000)
Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam - Canada	474.000.000	(96.110.353)	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-

Theo quy định tại Thông tư số 200/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý này do các đơn vị được đầu tư chưa thực hiện niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 chưa được trình bày trên Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
<b>a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng</b>	<b>64.919.992.804</b>	<b>58.443.103.303</b>
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	5.605.812.092	3.762.663.823
Ban điều hành dự án Thủy điện Đồng Nai 5	5.154.566.073	1.470.000.000
Ban điều hành dự án thủy điện Xêkaman 3	3.065.979.647	2.910.332.807
Phải thu các bên liên quan (Xem Thuyết minh số 31)	22.599.549.756	15.759.775.898
Các khoản phải thu khách hàng khác	28.494.085.236	34.540.330.775
<b>b. Phải thu dài hạn của khách hàng</b>	<b>14.309.228.972</b>	<b>28.093.285.455</b>
Ban điều hành dự án Thủy điện Lai Châu	2.391.652.000	1.065.906.000
Công ty Cổ phần Thủy điện ĐakDrinh	2.336.258.537	2.336.258.537
Phải thu các bên liên quan (Xem Thuyết minh số 31)	866.227.581	1.590.351.906
Các khoản phải thu khách hàng khác	8.715.090.854	23.100.769.012
	<u><b>79.229.221.776</b></u>	<u><b>86.536.388.758</b></u>

**8. PHẢI THU KHÁC**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>	<b>8.562.979.468</b>	<b>9.004.812.133</b>
- Tạm ứng cho các tổ, đội	4.659.665.816	4.158.144.990
- Lãi cho vay phải thu Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	2.034.988.077	2.034.988.077
- Cổ tức năm 2012, 2013 phải thu Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa	1.080.000.000	1.800.000.000
- Phải thu ngắn hạn khác	788.325.575	1.011.679.066
<b>b. Dài hạn</b>	<b>1.143.591.194</b>	<b>1.143.591.194</b>
- Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn	381.981.600	381.981.600
- Các khoản phải thu khác	761.609.594	761.609.594
	<u><b>9.706.570.662</b></u>	<u><b>10.148.403.327</b></u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

**9. NỢ XẤU**

	30/6/2015		31/12/2014	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Tổng giá trị các khoản phải thu</b>				
Ban điều hành thủy điện Xekaman 3	3.826.251.327	946.180.023	4.226.251.327	1.881.208.098
- Chưa quá hạn hoặc quá hạn dưới 6 tháng	760.271.680	760.271.680	1.881.208.098	1.881.208.098
- Quá hạn thanh toán 1 năm đến dưới 2 năm	371.816.686	185.908.343	-	-
- Quá hạn thanh toán trên 3 năm	2.694.162.961	-	2.345.043.229	-
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	6.461.672.847	3.779.303.775	3.762.663.823	-
- Chưa quá hạn hoặc quá hạn dưới 6 tháng	3.779.303.775	3.779.303.775	-	-
- Quá hạn thanh toán trên 3 năm	2.682.369.072	-	3.762.663.823	-
Công ty Cổ phần Đô thị và Phát triển Nông thôn Sông Đà	3.252.128.478	1.034.004.172	3.256.812.478	1.758.284.651
- Chưa quá hạn hoặc quá hạn dưới 6 tháng	6.000.000	6.000.000	179.634.208	179.634.208
- Quá hạn thanh toán 6 tháng đến dưới 1 năm	35.260.800	24.682.560	200.306.541	140.214.579
- Quá hạn thanh toán 1 năm đến dưới 2 năm	200.306.541	100.153.271	2.876.871.729	1.438.435.865
- Quá hạn thanh toán 2 năm đến dưới 3 năm	3.010.561.137	903.168.341	-	-
Đối tượng khác	75.395.739.786	60.411.797.593	85.439.064.457	73.036.059.689
<b>Tổng cộng số dư công nợ</b>	<b>88.935.792.438</b>	<b>66.171.285.563</b>	<b>96.684.792.085</b>	<b>76.675.552.438</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2015		31/12/2014	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	9.513.694	-	8.395.775	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	31.201.101.793	-	28.939.748.595	-
	<b>31.210.615.487</b>	<b>-</b>	<b>28.948.144.370</b>	<b>-</b>

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Thuế GTGT được				
	01/01/2015	Số phải nộp trong kỳ	Thuế GTGT được khấu trừ/ Điều chỉnh khác	Số đã thực nộp trong kỳ	30/6/2015
<b>Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước</b>					
Thuế giá trị gia tăng	2.360.800.504	3.224.804.195	(366.505.423)	(3.321.618.048)	1.897.481.228
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.275.432.764	543.209.172	90.094.829	(1.584.784.421)	323.952.344
Thuế thu nhập cá nhân	1.221.457.269	263.060.820	-	(413.859.831)	1.070.658.258
Thuế đất	456.921.493	323.977.500	-	(323.977.500)	456.921.493
Các khoản phải nộp khác (i)	4.426.968.292	226.405.199	(241.758.642)	(219.861.683)	4.191.753.166
	<b>9.741.580.322</b>	<b>4.581.456.886</b>	<b>(518.169.236)</b>	<b>(5.864.101.483)</b>	<b>7.940.766.489</b>

- (i) Các khoản phải nộp Nhà nước khác bao gồm 4.087.495.368 VND (31/12/2014: 4.322.710.494 VND) tiền truy thu thuế và tiền lãi phạt chậm nộp còn phải nộp theo Biên bản Kiểm tra quyết toán thuế cho năm 2007 và năm 2008 tại ngày 26 tháng 12 năm 2012 của Cục thuế Hà Nội.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	5.788.013.550	9.706.993.699	7.764.465.925	380.848.443	23.640.321.617
Tăng trong kỳ	-	656.181.818	-	-	656.181.818
Tại ngày 30/6/2015	5.788.013.550	10.363.175.517	7.764.465.925	380.848.443	24.296.503.435
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2015	5.788.013.550	8.310.066.928	7.521.223.231	192.329.003	21.811.632.712
Khấu hao trong kỳ	-	272.406.766	85.850.364	36.487.632	394.744.762
Tại ngày 30/6/2015	5.788.013.550	8.582.473.694	7.607.073.595	228.816.635	22.206.377.474
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 30/6/2015	-	1.780.701.823	157.392.330	152.031.808	2.090.125.961
Tại ngày 31/12/2014	-	1.396.926.771	243.242.694	188.519.440	1.828.688.905

Như trình bày tại Thuyết minh số 19 và 20, Công ty đã thế chấp phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 là 157.392.330 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 243.242.694 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015, nguyên giá của Tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 20.121.504.539 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2014: 19.826.266.445 VND).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**13. TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn</b>		
- Căn hộ thuộc dự án City view Sông Đà - Hà Đông	1.074.800.750	1.074.800.750
- Sửa chữa nhà G9	183.485.962	35.670.000
	<b>1.258.286.712</b>	<b>1.110.470.750</b>

**14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà	Thôn Lại Xá - Xã Thanh Thủy - Huyện Thanh Hà - Tỉnh Hải Dương	73,48%	73,48%	Xử lý nước, dịch vụ và trang thiết bị

**15. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết tại ngày 30 tháng 6 năm 2015 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa	Số 138 Tôn Đức Thắng - phường Yên Thế - TP Pleiku - Tỉnh Gia Lai	28,89%	28,89%	Phát điện, cung cấp điện năng

**16. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

Tên công ty đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riêng Kratie	Thôn Phú Lợi, Xã Phú Riêng, huyện Bù Gia Mập, Bình Phước	0,60%	0,60%	Sản xuất sản phẩm từ cao su
Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam-Canada	Nhà G9- số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, Hà Nội	10%	10%	Tư vấn kỹ thuật
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	Phòng 504 Tòa nhà CT2 - Khu đô thị Văn Khê, Hà Đông, Hà Nội	13,07%	13,07%	Xây dựng và bất động sản



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/6/2015		31/12/2014	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>7.393.736.859</b>	<b>7.393.736.859</b>	<b>4.335.185.227</b>	<b>4.335.185.227</b>
Các bên liên quan (Xem Thuyết minh số 31)	1.700.996.046	1.700.996.046	2.443.645.323	2.443.645.323
Các đối tượng khác	5.692.740.813	5.692.740.813	1.891.539.904	1.891.539.904
<b>b) Các khoản phải trả người bán dài hạn</b>	<b>4.702.043.293</b>	<b>4.702.043.293</b>	<b>9.352.632.708</b>	<b>9.352.632.708</b>
Viện Thiết kế Thủy công Côn Minh	1.630.440.560	1.630.440.560	1.630.440.560	1.630.440.560
Viện Thiết kế Thủy công TASKENT	810.664.418	810.664.418	810.664.418	810.664.418
Ban điều hành dự án Thủy điện Xêkaman 3	577.654.055	577.654.055	577.654.055	577.654.055
Công ty Tư vấn Xây dựng điện I	456.983.154	456.983.154	456.983.154	456.983.154
Các bên liên quan (Xem Thuyết minh số 31)	548.048.524	548.048.524	1.574.328.654	1.574.328.654
Các đối tượng khác	678.252.582	678.252.582	4.302.561.867	4.302.561.867
	<b>12.095.780.152</b>	<b>12.095.780.152</b>	<b>13.687.817.935</b>	<b>13.687.817.935</b>

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/6/2015	31/12/2014
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Phải trả các tổ, đội thi công	14.352.611.895	18.926.353.704
- Cổ tức phải trả	2.609.648.000	-
- Kinh phí công đoàn và các khoản bảo hiểm	1.052.973.055	1.385.335.912
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.334.833.840	3.109.148.194
	<b>20.350.066.790</b>	<b>23.420.837.810</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
% giữ lại chờ hết hạn bảo hành	3.174.132.054	3.321.523.479
	<b>3.174.132.054</b>	<b>3.321.523.479</b>

**19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	30/6/2015	Trong kỳ		31/12/2014
	VND	VND		VND
	Giá trị	Tăng	Giảm	Giá trị
Vay ngắn hạn	9.219.101.218	4.380.671.593	3.806.022.050	8.644.451.675
	<b>9.219.101.218</b>	<b>4.380.671.593</b>	<b>3.806.022.050</b>	<b>8.644.451.675</b>

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 91/2014-HĐTDHM/NHCT127-TSVĐ ngày 15 tháng 10 năm 2014. Hạn mức tối đa là 20.000.000.0000 VND để bổ sung vốn lưu động với mức lãi suất theo giấy nhận nợ, thời hạn theo từng lần giải ngân nhưng tối đa không quá 8 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp và thế chấp quyền sử dụng đất thời hạn 50 năm tại nhà G9, số 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội và thế chấp tài sản cố định là xe ô tô Camry ACV40L theo các hợp đồng thế chấp tài sản cho các hợp đồng tín dụng đã tắt toán nhưng được ngân hàng chấp nhận tiếp tục sử dụng để đảm bảo cho khoản vay hiện tại theo Hợp đồng số 01/2014-HĐTDHM/NHCT127-TVSD.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

	<u>30/6/2015</u>	<u>Trong kỳ</u>		<u>31/12/2014</u>
	VND	VND		VND
	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Tăng</b>	<b>Giảm</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>
Vay dài hạn	427.700.000	462.700.000	35.000.000	-
Trong đó:				
- Hợp đồng số 01/2015	222.600.000	257.600.000	35.000.000	-
- Hợp đồng số 02/2015	205.100.000	205.100.000	-	-
	<b>427.700.000</b>	<b>462.700.000</b>	<b>35.000.000</b>	-

Trong 6 tháng đầu năm 2015, Công ty ký hai hợp đồng vay dài hạn như sau:

- Tại ngày 13 tháng 3 năm 2015, Công ty ký Hợp đồng số 01/2015-HĐTD/NHCT127-TVSD với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân với mục đích dùng tiền vay để mua máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động khoan phun xử lý nền móng. Hạn mức hợp đồng vay tối đa không vượt quá 282.100.000 VND. Thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất được ghi nhận trên từng giấy nhận nợ, lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 11,5%/1 năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng và sẽ được điều chỉnh 1 tháng 1 lần vào ngày 15 của tháng cuối cùng của thời hạn điều chỉnh lãi suất. Công ty đã thế chấp tài sản là xe ô tô Camry ACV40L theo các hợp đồng thế chấp tài sản cho các hợp đồng tín dụng đã tắt toán nhưng được ngân hàng chấp nhận tiếp tục sử dụng để đảm bảo cho khoản vay hiện tại theo Hợp đồng số 01/2015-HĐTD/NHCT127-TVSD.

- Tại ngày 14 tháng 4 năm 2015, Công ty ký Hợp đồng số 02/2015-HĐTD/NHCT127-TVSD với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân với mục đích dùng tiền vay để mua máy móc, thiết bị phục vụ hoạt động khoan phun xử lý nền móng. Hạn mức hợp đồng vay tối đa không vượt quá 205.100.000 VND. Thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất được ghi nhận trên từng giấy nhận nợ, lãi suất vay tại thời điểm ký hợp đồng là 10,5%/1 năm và chỉ có giá trị cho kỳ tính lãi đầu tiên với những khoản giải ngân phát sinh tại ngày ký hợp đồng và sẽ được điều chỉnh 1 tháng 1 lần vào ngày 15 của tháng cuối cùng của thời hạn điều chỉnh lãi suất. Công ty đã thế chấp xe ô tô Camry ACV40L theo các hợp đồng thế chấp tài sản cho các hợp đồng tín dụng đã tắt toán nhưng được ngân hàng chấp nhận tiếp tục sử dụng để đảm bảo cho khoản vay hiện tại theo Hợp đồng số 02/2015-HĐTD/NHCT127-TVSD.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Trong năm thứ hai	427.700.000	-
<b>Số phải trả sau 12 tháng</b>	<b>427.700.000</b>	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu (i) VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 01/01/2014	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	9.320.190.769	2.447.056.557	3.032.847.107	49.399.193.145
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	4.354.846.653	4.354.846.653
Trích lập các quỹ	-	-	-	606.569.421	151.642.355	(1.467.021.107)	(708.809.331)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(1.565.826.000)	(1.565.826.000)
<b>Số dư tại ngày 01/01/2015</b>	<b>26.097.100.000</b>	<b>8.502.618.712</b>	<b>(620.000)</b>	<b>9.926.760.190</b>	<b>2.598.698.912</b>	<b>4.354.846.653</b>	<b>51.479.404.467</b>
Áp dụng chính sách kế toán mới	-	-	-	2.598.698.912	(2.598.698.912)	-	-
Số dư tại ngày 01/01/2015 như được trình bày lại	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	12.525.459.102	-	4.354.846.653	51.479.404.467
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	1.676.518.227	1.676.518.227
Trích lập các quỹ (ii)	-	-	-	623.288.997	-	(1.745.198.653)	(1.121.909.656)
Chia cổ tức (iii)	-	-	-	-	-	(2.609.648.000)	(2.609.648.000)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2015</b>	<b>26.097.100.000</b>	<b>8.502.618.712</b>	<b>(620.000)</b>	<b>13.148.748.099</b>	<b>-</b>	<b>1.676.518.227</b>	<b>49.424.365.038</b>

- (i) Vốn khác của chủ sở hữu là phần vốn Công ty sử dụng từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển để mua sắm tài sản cố định phục vụ hoạt động kinh doanh (giá trị 568 triệu VND) và dùng để đầu tư vào Công ty cổ phần Thủy điện Đắk Đoa (giá trị 7,9 tỷ VND).
- (ii) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 19/NQ/2015/ĐHĐCĐ ngày 18 tháng 4 năm 2015, Công ty đã phân bổ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm 2014 như sau: Quỹ đầu tư phát triển (bao gồm Quỹ dự phòng tài chính chuyển sang) là 623.288.997 VND; quỹ khen thưởng, phúc lợi là 921.909.656 VND; Quỹ thưởng cho Ban quản lý, điều hành là 200.000.000 VND và phân chia cổ tức năm 2014 là 2.609.648.000 VND. Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2015, Công ty chưa thanh toán khoản cổ tức năm 2014 này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
<b>Cổ phiếu</b>		
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.609.710	2.609.710
+ Cổ phiếu phổ thông	2.609.710	2.609.710
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu quỹ	62	62
+ Cổ phiếu phổ thông	62	62
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.609.648	2.609.648
+ Cổ phiếu phổ thông	2.609.648	2.609.648
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**Vốn điều lệ và vốn đầu tư**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 14, vốn điều lệ của Công ty là 26.097.100.000 VND, và đã được các bên góp vốn đủ tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2015, chi tiết như sau:

	Tỷ lệ góp vốn tại ngày 30/6/2015	Vốn đã góp	
		30/6/2015	31/12/2014
	%	VND	VND
Tổng công ty Sông Đà	51%	13.309.520.000	13.309.520.000
Cổ đông khác	49%	12.787.580.000	12.787.580.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>100%</b>	<b>26.097.100.000</b>	<b>26.097.100.000</b>

**22. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</u>	<u>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.831.189.789	2.437.288.596
Chi phí nhân công	26.818.285.181	24.878.390.744
Chi phí khấu hao tài sản cố định	394.744.762	398.949.206
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.551.875.313	7.183.698.591
Chi phí khác	3.929.371.577	1.772.424.616
	<u>39.525.466.622</u>	<u>36.670.751.753</u>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	26.624.378	27.011.687
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	207.000.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	66.830	-
	<b>26.691.208</b>	<b>234.011.687</b>

**24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	419.716.947	685.011.452
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	487.258.643	-
(Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(394.190.707)	975.359.587
Chi phí tài chính khác	18.183	-
	<b>512.803.066</b>	<b>1.660.371.039</b>

**25. THU NHẬP KHÁC**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Điều chỉnh giảm công nợ không phải trả	241.758.642	785.983.629
Tiền phạt thu được	84.237.189	-
Các khoản khác	16.954.545	9.300.000
	<b>342.950.376</b>	<b>795.283.629</b>

**26. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015	Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND
Các khoản phạt thuế, phạt chậm nộp	222.405.202	393.463.821
Thù lao thành viên Hội đồng Quản trị	161.699.999	165.292.500
Tiền phạt kinh tế phải trả	84.237.189	-
	<b>468.342.390</b>	<b>558.756.321</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**27. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</b>	<b>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	<b>9.180.453.622</b>	<b>7.611.115.639</b>
Chi phí dự phòng	2.755.267.228	613.620.314
Chi phí nhân viên quản lý	4.524.534.138	5.096.799.119
Chi phí bằng tiền khác	668.062.436	491.584.110
Chi phí dịch vụ mua ngoài	447.517.651	480.994.234
Thuế, phí và lệ phí	365.789.401	473.260.565
Chi phí vật liệu quản lý	193.179.892	173.347.325
Chi phí đồ dùng văn phòng	140.252.512	193.959.627
Chi phí khấu hao TSCĐ	85.850.364	87.550.345
	<b>9.180.453.622</b>	<b>7.611.115.639</b>

**28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

	<b>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</b>	<b>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	543.209.172	556.662.832
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	-	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>543.209.172</b>	<b>556.662.832</b>

Chi tiết:

	<b>Từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015</b>	<b>Từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận trước thuế	2.219.727.399	2.216.224.278
Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế	249.405.202	521.061.321
- Tiền phạt chậm nộp thuế	222.405.202	393.463.821
- Thủ lao thành viên Hội đồng Quản trị không tham gia trực tiếp điều hành sản xuất, kinh doanh	27.000.000	127.597.500
Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế	-	(207.000.000)
- Cổ tức được chia trong kỳ	-	(207.000.000)
Lợi nhuận tính thuế	2.469.132.601	2.530.285.599
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>543.209.172</b>	<b>556.662.832</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	<u>Từ ngày 01/01/2015</u> <u>đến ngày 30/6/2015</u>	<u>Từ ngày 01/01/2014</u> <u>đến ngày 30/6/2014</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	323.977.500	551.631.992

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	508.991.061	508.991.061
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	2.035.964.245	2.035.964.245
Sau năm năm	17.209.709.768	17.464.205.298
	<b>19.754.665.074</b>	<b>20.009.160.604</b>

Các khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 996,4 m2 đất Nhà nước cho thuê 50 năm trả tiền thuê đất hàng năm là trụ sở chính của công ty, địa chỉ 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội với giá thuê 537.593 VND/m2/năm với 869,9 m2 đất nằm ngoài chỉ giới mở đường và 268.797 VND/m2/năm với 96,5 m2 đất nằm trong chỉ giới mở đường. Thời hạn thuê đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 50 năm kể từ ngày 28 tháng 10 năm 2004.

- Tổng số tiền thuê 4.400 m2 đất Nhà nước cho thuê thời hạn 30 năm trả tiền thuê đất hàng năm để nhà xưởng Trung tâm thí nghiệm tại phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình với giá tiền thuê là 15.400.000 VND/năm. Thời hạn thuê đất là 30 năm kể từ ngày 19 tháng 6 năm 2003.

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 19 và 20 trừ đi tiền và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

12  
CÔNG  
NHIỆM  
LỢI  
ỆT N

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
Các khoản vay	9.646.801.218	8.644.451.675
Trừ: Tiền	(7.794.648.884)	(5.674.596.894)
Nợ thuần	1.852.152.334	2.969.854.781
Vốn chủ sở hữu	49.424.365.038	51.479.404.467
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	<u>0,04</u>	<u>0,06</u>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền	7.794.648.884	5.674.596.894
Phải thu khách hàng và phải thu khác	68.545.663.987	79.551.451.688
Đầu tư vào đơn vị khác	1.877.889.647	1.500.000.003
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>78.218.202.518</u></b>	<b><u>86.726.048.585</u></b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	9.646.801.218	8.644.451.675
Phải trả người bán và phải trả khác	34.567.005.941	39.044.843.312
Chi phí phải trả	1.041.515.452	196.552.032
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>45.255.322.611</u></b>	<b><u>47.885.847.019</u></b>

Công ty không xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường giao dịch các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Độ nhạy của lãi suất**

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015 sẽ giảm/tăng 192.936.024 VND (năm 2014: 172.889.034 VND).

	<b>Tăng/(Giảm) số điểm cơ bản</b>	<b>Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế</b>
		<b>VND</b>
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/6/2015		
VND	+200	(192.936.024)
VND	-200	192.936.024
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014		
VND	+200	(172.889.034)
VND	-200	172.889.034

**Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu**

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng Quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Công ty đánh giá rủi ro về giá cổ phiếu là không đáng kể.

**Quản lý rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Trên 1 năm</b>	<b>Tổng cộng</b>
	<b><u>VND</u></b>	<b><u>VND</u></b>	<b><u>VND</u></b>
<b>30/6/2015</b>			
Tiền	7.794.648.884	-	7.794.648.884
Phải thu khách hàng và phải thu khác	53.092.843.821	15.452.820.166	68.545.663.987
Đầu tư vào đơn vị khác	-	1.877.889.647	1.877.889.647
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>60.887.492.705</u></b>	<b><u>17.330.709.813</u></b>	<b><u>78.218.202.518</u></b>
<b>30/6/2015</b>			
Các khoản vay	9.219.101.218	427.700.000	9.646.801.218
Phải trả người bán và phải trả khác	26.690.830.594	7.876.175.347	34.567.005.941
Chi phí phải trả	1.041.515.452	-	1.041.515.452
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>36.951.447.264</u></b>	<b><u>8.303.875.347</u></b>	<b><u>45.255.322.611</u></b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b><u>23.936.045.441</u></b>	<b><u>9.026.834.466</u></b>	<b><u>32.962.879.907</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

***Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)***

	<u>Dưới 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Trên 1 năm</u> <u>VND</u>	<u>Tổng cộng</u> <u>VND</u>
<b>31/12/2014</b>			
Tiền	5.674.596.894	-	5.674.596.894
Phải thu khách hàng và phải thu khác	50.314.575.039	29.236.876.649	79.551.451.688
Đầu tư vào đơn vị khác	-	1.500.000.003	1.500.000.003
<b>Tổng cộng</b>	<b>55.989.171.933</b>	<b>30.736.876.652</b>	<b>86.726.048.585</b>
<b>31/12/2014</b>			
Các khoản vay	8.644.451.675	-	8.644.451.675
Phải trả người bán và phải trả khác	26.370.687.125	12.674.156.187	39.044.843.312
Chi phí phải trả	196.552.032	-	196.552.032
<b>Tổng cộng</b>	<b>35.211.690.832</b>	<b>12.674.156.187</b>	<b>47.885.847.019</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>20.777.481.101</b>	<b>18.062.720.465</b>	<b>38.840.201.566</b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

***Danh sách các bên liên quan:***

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Sông Đà	Công ty mẹ
Công ty TNHH Tư vấn Kỹ thuật Việt Nam- Canada	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà (Sodaco)	Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 1	Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên	Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11	Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà	Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà
Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội	Công ty thuộc Tổng Công ty Sông Đà

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

*Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	<u>Từ ngày 01/01/2015</u> <u>đến ngày 30/6/2015</u>	<u>Từ ngày 01/01/2014</u> <u>đến ngày 30/6/2014</u>
	VND	VND
<b>Doanh thu cung ứng dịch vụ</b>		
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	6.178.547.088	5.433.905.937
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	3.565.935.362	2.676.045.506
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	3.208.089.952	1.853.694.743
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	2.724.676.239	1.732.778.509
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	1.446.365.697	1.443.992.257
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	1.149.737.294	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	1.023.458.510	796.152.489
Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà (Sodaco)	367.721.818	158.878.182
<b>Cổ tức phải trả</b>		
Tổng Công ty Sông Đà	1.330.920.480	798.571.260

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:*

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
<b>Phải thu khách hàng ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	3.288.098.063	2.212.169.726
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đ	3.256.812.478	3.256.812.478
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	2.509.107.235	805.844.861
Cty cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên	2.122.822.562	751.713.122
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	1.973.522.962	1.538.479.377
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	1.536.985.036	1.240.825.359
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	1.856.029.731	1.091.940.849
Tổng Công ty Sông Đà	1.454.439.609	1.521.358.642
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	1.081.260.110	1.012.835.621
Công ty Cổ phần Xây lắp và Đầu tư Sông Đà (Sodaco)	962.578.977	244.690.898
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	948.925.573	786.763.026
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	873.946.478	970.561.298
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	414.240.301	-
Công ty Cổ phần Sông Đà 1	320.780.641	325.780.641
<b>Phải thu khách hàng dài hạn</b>		
Tổng Công ty Sông Đà	449.431.838	535.004.812
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	416.795.743	1.055.347.094



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

*Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán (Tiếp theo):*

	<u>30/6/2015</u>	<u>31/12/2014</u>
	VND	VND
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	1.182.332.904	2.226.779.351
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11	518.663.142	216.865.972
<b>Phải trả người bán dài hạn</b>		
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng Sông Đà	-	1.026.280.130
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà	217.532.524	217.532.524
Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội	330.516.000	330.516.000

**Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị:**

	<u>Từ ngày 01/01/2015</u> <u>đến ngày 30/6/2015</u>	<u>Từ ngày 01/01/2014</u> <u>đến ngày 30/6/2014</u>
	VND	VND
Tiền lương	950.874.249	874.545.580
Tiền thưởng	-	31.336.318
Thù lao Hội đồng quản trị	-	27.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>950.874.249</b>	<b>932.881.898</b>

**32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ HOẠT ĐỘNG**

Trong tháng 7 năm 2015 Công ty thoái vốn thành công 2.400.000 cổ phần của công ty liên kết - Công ty Cổ phần Thủy điện Đăk Đoa thông qua giao dịch trên Sàn Upcom. Theo thông báo kết quả giao dịch tổng hợp từ ngày 19 tháng 7 năm 2015 đến ngày 23 tháng 7 năm 2015, các giao dịch đã khớp lệnh thành công với tổng số tiền thực bán là 25.939.050.000 VND.

**33. THÔNG TIN SO SÁNH**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu của Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 đã được trình bày lại theo hướng dẫn của Thông tư 200 để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**33. THÔNG TIN SO SÁNH (Tiếp theo)**

**Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:**

	Số đã báo cáo tại 31/12/2014 VND	Điều chỉnh/ phân loại lại VND	Số trình bày lại tại 31/12/2014 VND
<b>TÀI SẢN</b>			
Đầu tư ngắn hạn	7.034.044.240	(7.034.044.240)	-
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	86.536.388.758	(28.093.285.455)	58.443.103.303
Phải thu về cho vay ngắn hạn	-	7.034.044.240	7.034.044.240
Phải thu ngắn hạn khác	5.062.309.541	3.942.502.592	9.004.812.133
Chi phí trả trước ngắn hạn	47.015.345	245.440.892	292.456.237
Tài sản ngắn hạn khác	4.704.112.186	(4.704.112.186)	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	-	28.093.285.455	28.093.285.455
Phải thu dài hạn khác	-	1.143.591.194	1.143.591.194
Nguyên giá tài sản cố định vô hình	446.300.864	(396.300.864)	50.000.000
Khấu hao lũy kế - Tài sản cố định vô hình	(446.300.864)	396.300.864	(50.000.000)
Chi phí trả trước dài hạn	312.203.392	(245.440.892)	66.762.500
Tài sản dài hạn khác	381.981.600	(381.981.600)	-
	<b>104.078.055.062</b>	<b>-</b>	<b>104.078.055.062</b>
<b>CÔNG NỢ VÀ NGUỒN VỐN</b>			
Vay và nợ ngắn hạn	8.644.451.675	(8.644.451.675)	-
Phải trả người bán ngắn hạn	13.687.817.935	(9.352.632.708)	4.335.185.227
Người mua trả tiền trước	7.314.244.080	59.171.927	7.373.416.007
Phải trả ngắn hạn khác	26.742.361.289	(3.321.523.479)	23.420.837.810
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	8.644.451.675	8.644.451.675
Phải trả người bán dài hạn	-	9.352.632.708	9.352.632.708
Phải trả dài hạn khác	-	3.321.523.479	3.321.523.479
Doanh thu chưa thực hiện (dài hạn)	59.171.927	(59.171.927)	-
	<b>56.448.046.906</b>	<b>-</b>	<b>56.448.046.906</b>

00 - C  
 TY  
 HỮU HẠ  
 TE  
 AM  
 P. H.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09a-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo*

**33. THÔNG TIN SO SÁNH (Tiếp theo)**

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014:**

	Số đã báo cáo	Điều chỉnh/ phân loại lại	Số trình bày lại
	từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014		từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/6/2014
	VND	VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	1.570.664.118	(2.724.103.844)	(1.153.439.726)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	(1.023.800.751)	2.664.056.294	1.640.255.543
- Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(1.230.800.751)	1.074.800.750	(156.000.001)
- Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	-	1.296.255.544	1.296.255.544
- Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	207.000.000	293.000.000	500.000.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	(2.737.898.379)	60.047.550	(2.677.850.829)
- Tiền thu từ đi vay	5.006.333.290	-	5.006.333.290
- Tiền trả nợ gốc vay	(5.134.583.669)	-	(5.134.583.669)
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(2.609.648.000)	60.047.550	(2.549.600.450)
	<b>(2.191.035.012)</b>	-	<b>(2.191.035.012)</b>



**Lê Thị Lan Phương**  
 Người lập biểu



**Lê Minh Quyết**  
 Kế toán trưởng



**Đình Văn Duẩn**  
 Tổng Giám đốc

Ngày 12 tháng 8 năm 2015